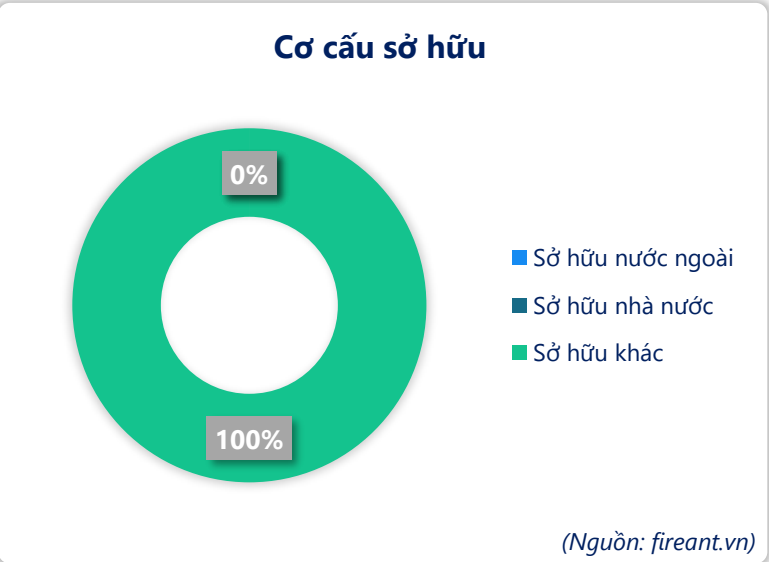
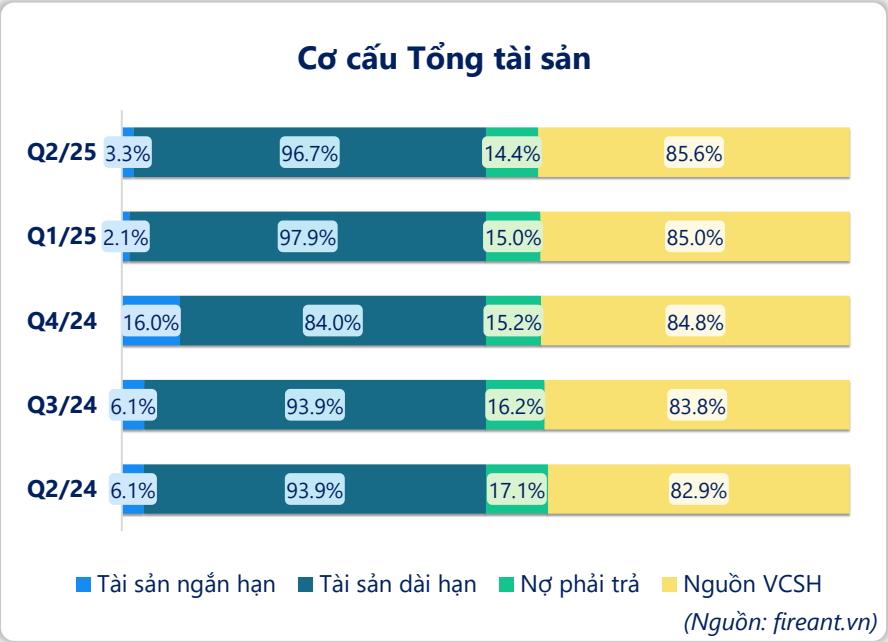
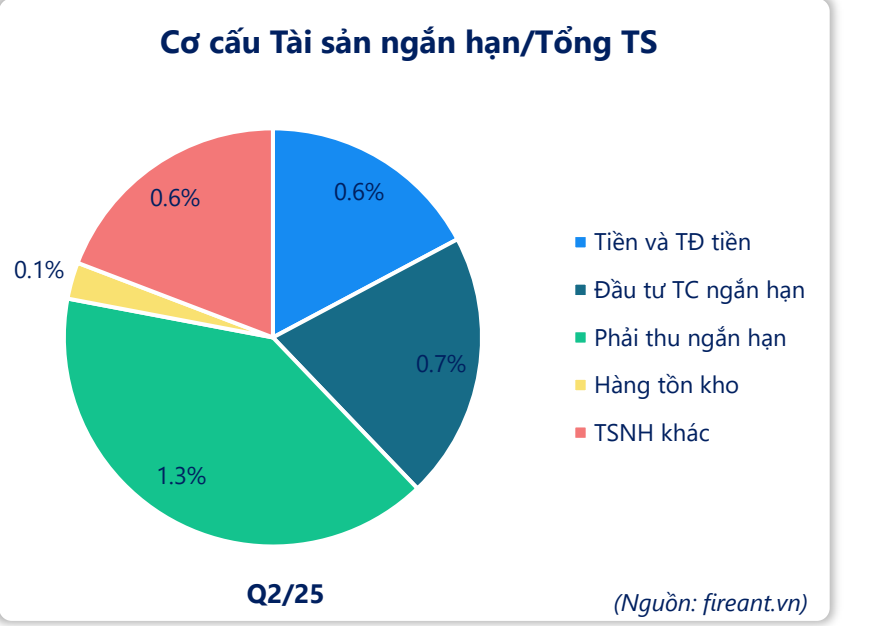
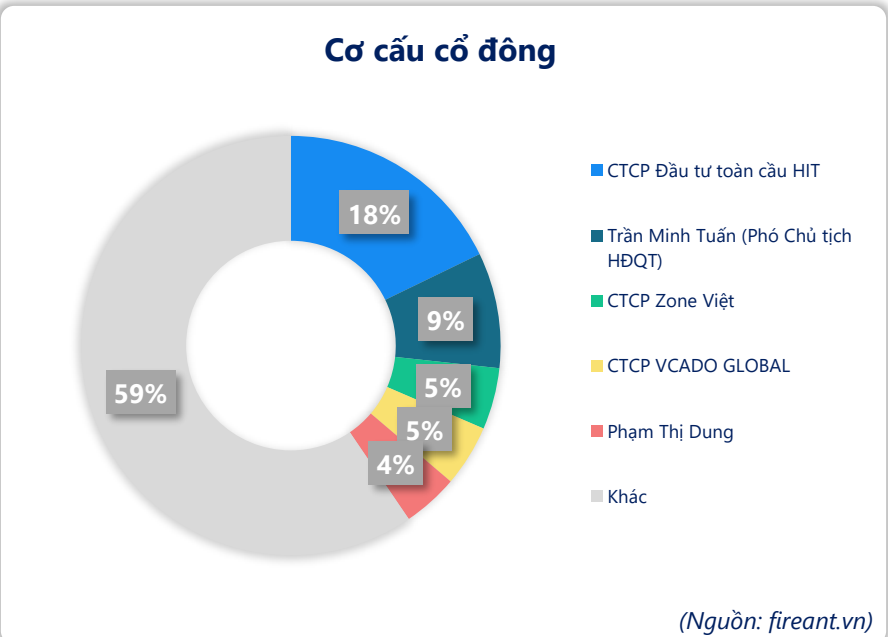
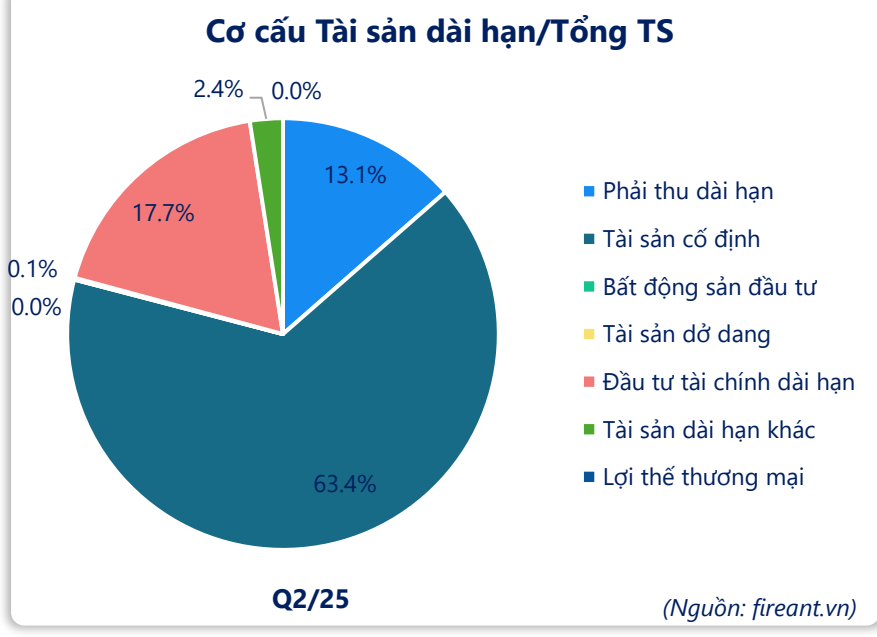
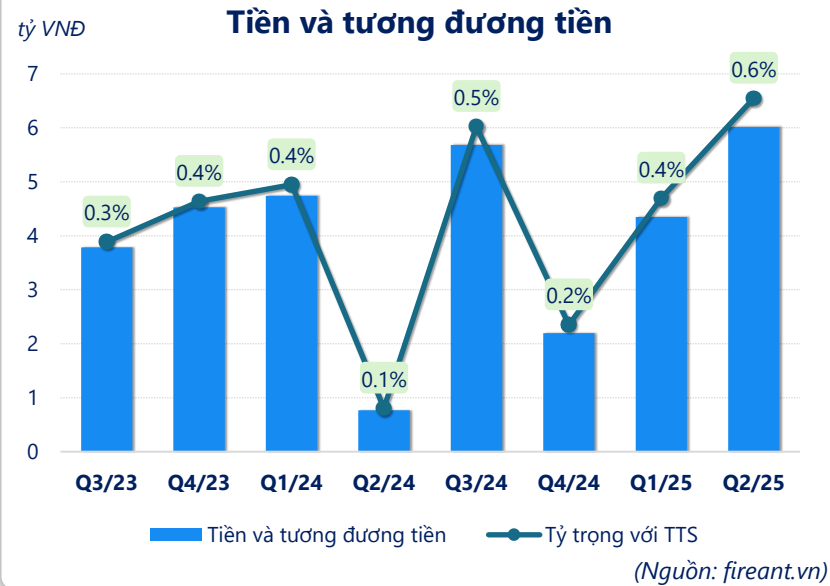
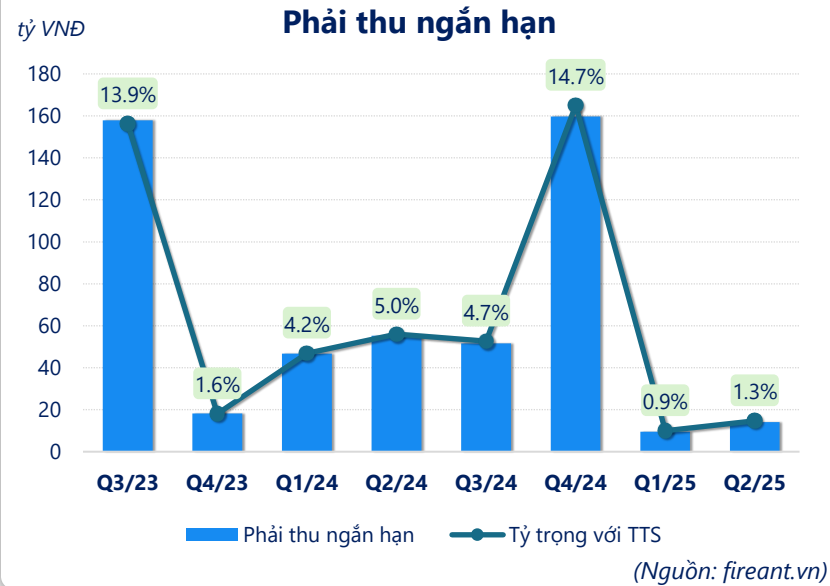
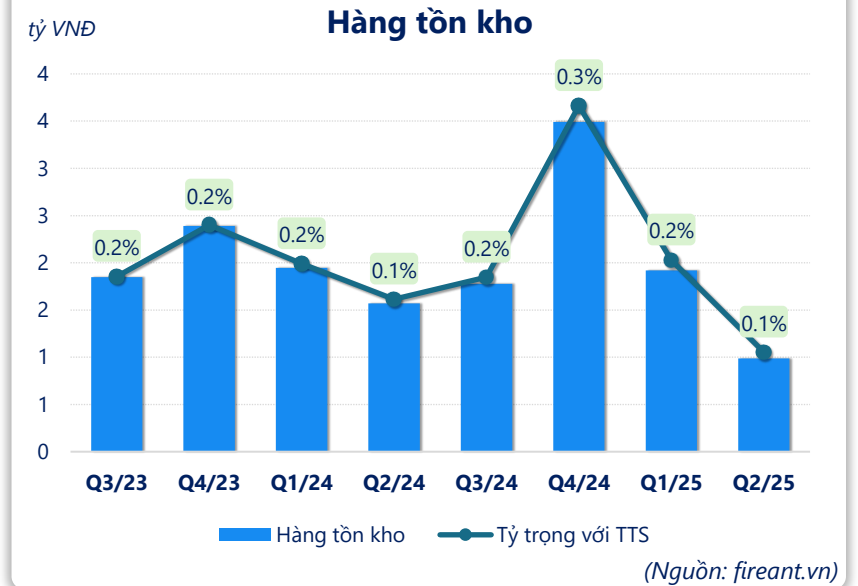
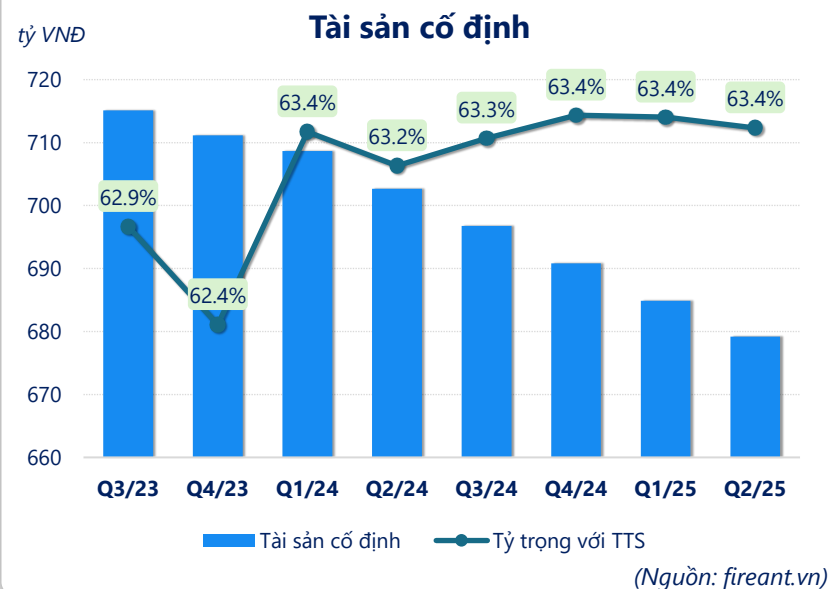
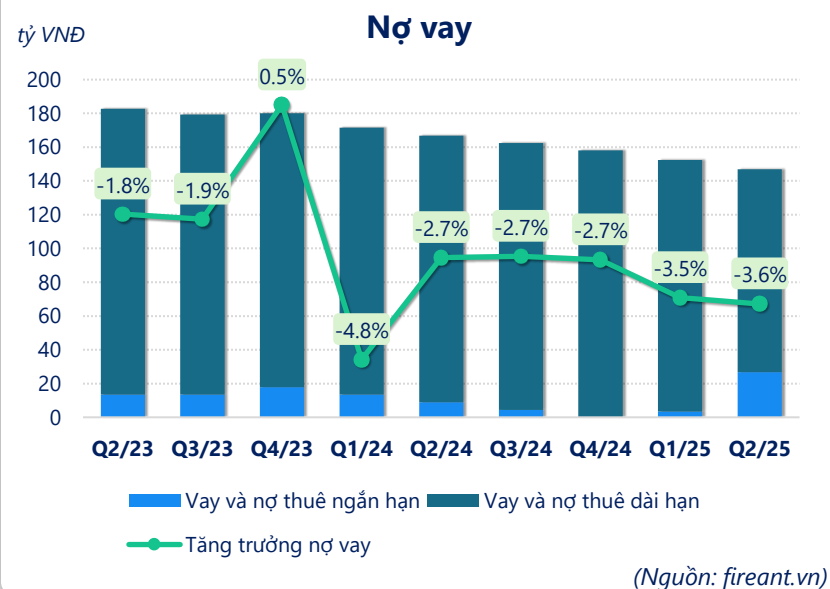
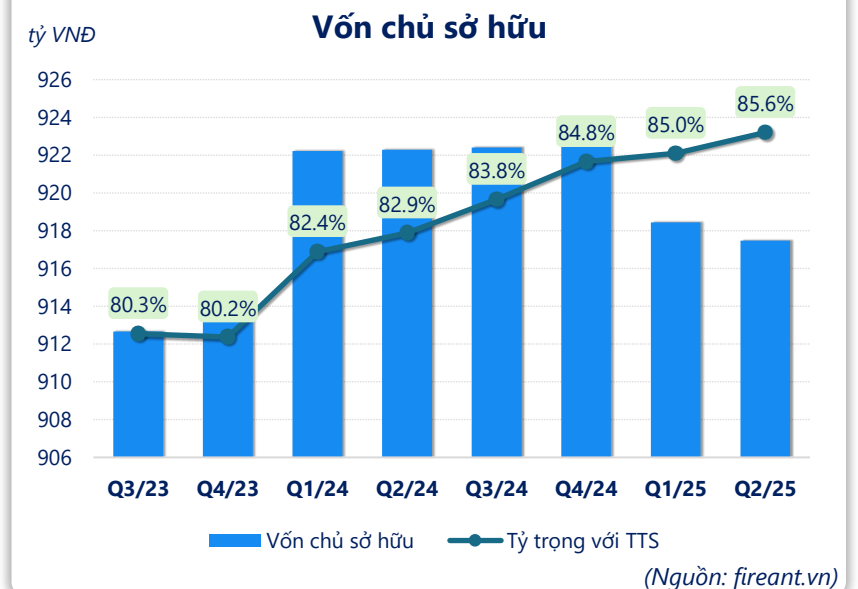
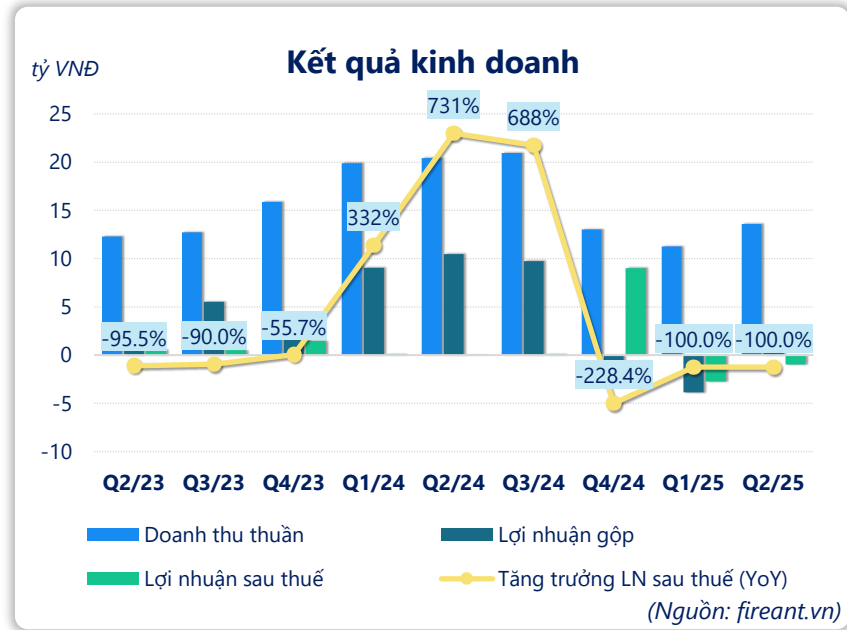
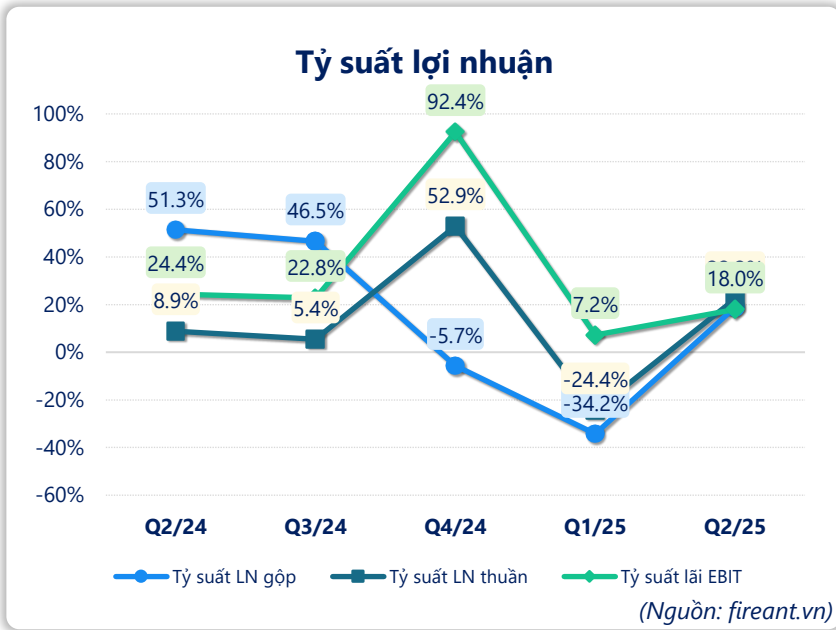
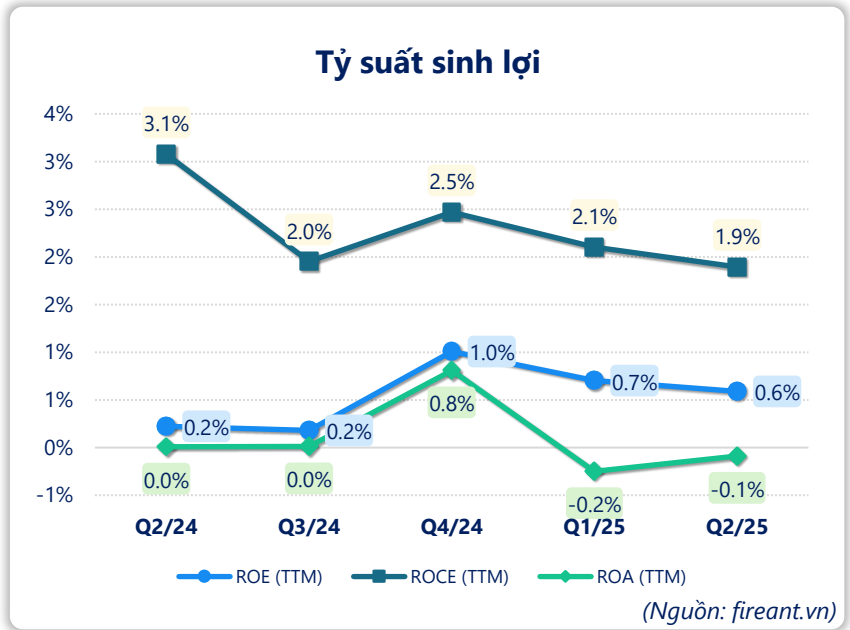
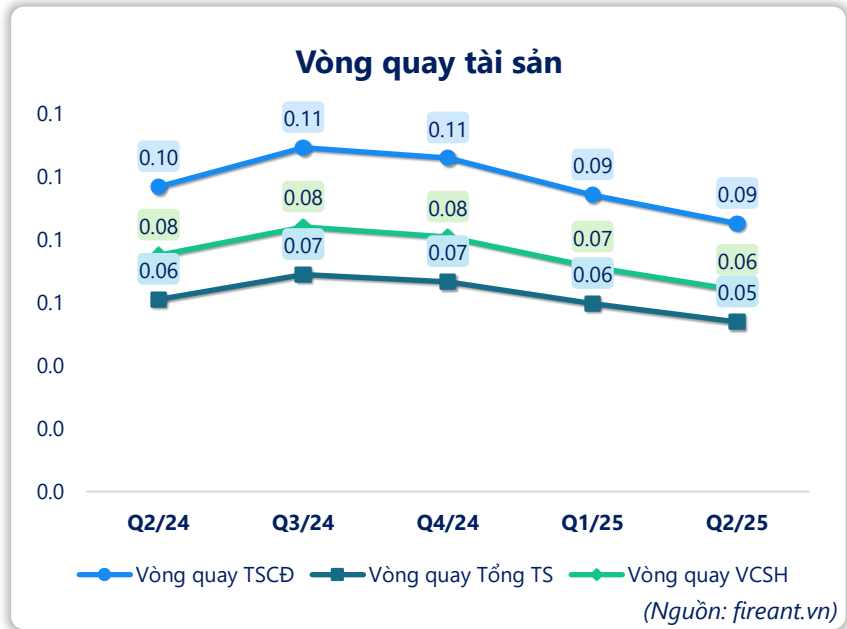
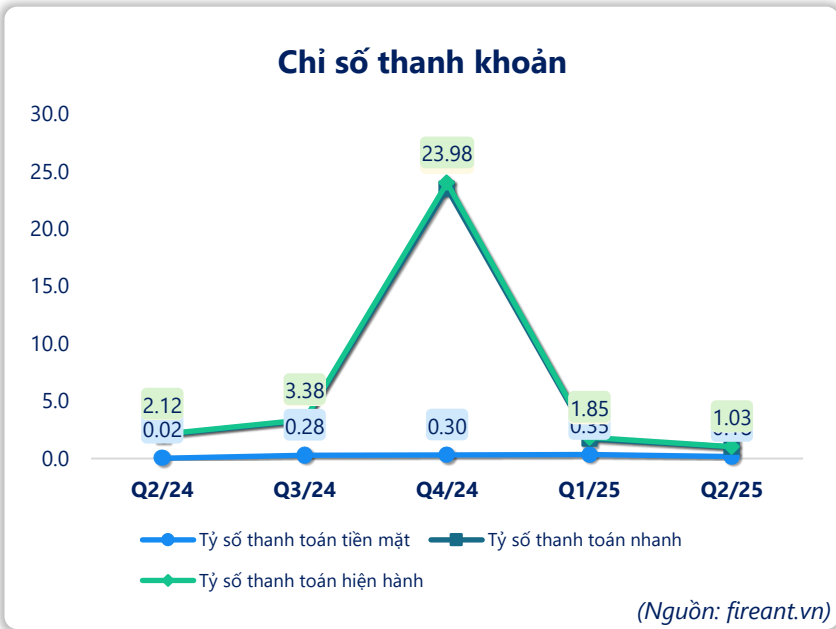
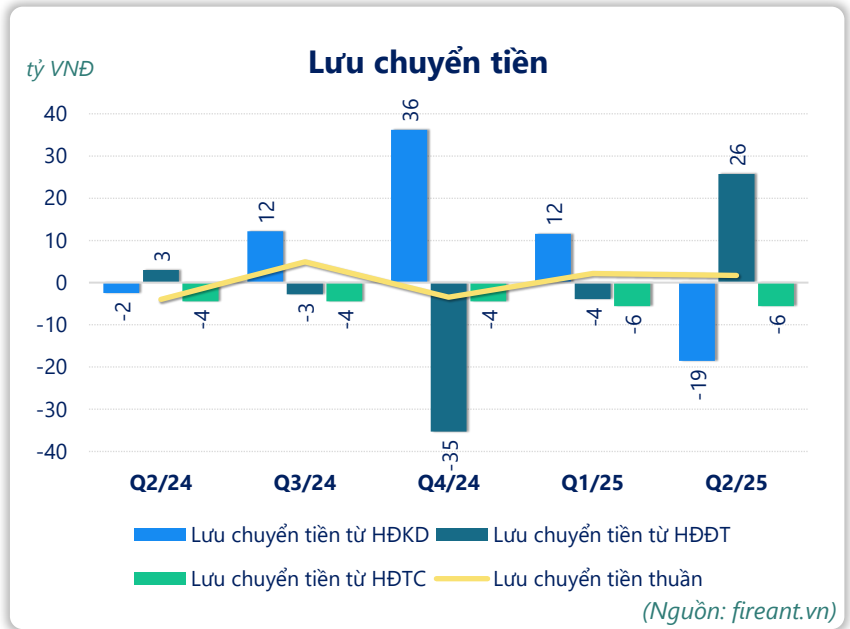


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		3,280
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		3,920
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		2,800
SL cổ phiếu LH		84,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		101,305
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		276
P/E		51.0
EPS		64

	YTD	1T	3T	6T
DAH	-9.6%	-2.4%	-5.2%	-11.8%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,072	1,088	-1.5%
Tài sản ngắn hạn	34.9	19.7	77.8%
Tiền và tương đương tiền	6.02	2.19	174%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.21	0	
Phải thu ngắn hạn	14.0	6.06	131%
Hàng tồn kho	0.99	3.49	-71.7%
Tài sản ngắn hạn khác	6.71	7.91	-15.2%
Tài sản dài hạn	1,037	1,068	-2.9%
Phải thu dài hạn	141	156	-9.9%
Tài sản cố định	679	691	-1.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.38	0.35	298%
Đầu tư tài chính dài hạn	190	190	-0.1%
Tài sản dài hạn khác	25.6	30.5	-16.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	154	166	-7.2%
Nợ ngắn hạn	34.0	17.1	99.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	26.7	8.94	198%
Phải trả người bán ngắn hạn	1.61	0.74	117%
Nợ dài hạn	120	149	-19.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	120	149	-19.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	917	921	-0.4%
Vốn chủ sở hữu	917	921	-0.4%
Vốn điều lệ	842	842	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	20.4	21.0	13.0	11.3	13.6
Giá vốn hàng bán	9.93	11.2	13.8	15.1	11.0
Lợi nhuận gộp	10.5	9.75	-0.75	-3.85	2.56
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	15.9	6.88	6.51
Chi phí TC	3.65	3.65	3.64	3.56	3.41
Chi phí lãi vay	3.65	3.65	3.64	3.56	3.41
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.03	0.04	0.03	0.23	0.51
Chi phí QLDN	4.99	4.93	4.63	1.97	2.12
LN thuần từ HĐKD	1.81	1.13	6.88	-2.74	3.03
Lợi nhuận khác	-0.48	0.00	1.50	0.00	-4.00
LN trước thuế	1.33	1.13	8.38	-2.74	-0.97
Lợi nhuận sau thuế	0.06	0.12	9.00	-2.74	-0.97
LNST của CĐ cty mẹ	0.08	0.12	9.00	-2.74	-0.97

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-2.49	12.1	36.2	11.6	-18.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	2.96	-2.78	-35.3	-3.87	25.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-4.44	-4.44	-4.44	-5.56	-5.56
Tiền đầu kỳ	4.74	0.77	5.68	2.19	4.35
Lưu chuyển tiền thuần	-3.97	4.91	-3.49	2.16	1.67
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.77	5.68	2.19	4.35	6.02

(Nguồn: fireant.vn)